

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Cao Thị C**; sinh năm 1988; Số căn cước công dân: 042188019535, cấp ngày 09/02/2022; Địa chỉ: **Tổ E, thôn V, Phường L, thành phố Đ.**

Người đại diện theo uỷ quyền của chị **Cao Thị C**: Anh **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1993; địa chỉ: **số nhà C, đường Đ, xã D, Thành phố Hà Nội.**

- Bị đơn: Anh **Phạm Xuân H**; sinh năm 1986; Số căn cước công dân: 042086019861, cấp ngày 17/12/2021; Địa chỉ: **Thôn H, xã H, tỉnh Hà Tĩnh.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 28, 29, 33, 38, 39, 51, 56, 57; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 60 khoản; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Cao Thị C** và anh **Phạm Xuân H**.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ con chung: Chị **Cao Thị C** và anh **Phạm Xuân H** thống nhất: Vợ chồng có 03 con chung tên **Phạm Gia H1**, sinh ngày 14/9/2011; **Phạm Gia H2**, sinh ngày 04/8/2016 và **Phạm Xuân Tuấn K**, sinh ngày 08/02/2021. Khi ly hôn, giao chị **Cao Thị C** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con **Phạm Xuân Tuấn K**, sinh ngày 08/02/2021 đến tuổi trưởng thành; giao 02 con chung **Phạm Gia H1**, sinh ngày 14/9/2011 và **Phạm Gia H2**, sinh ngày 04/8/2016 cho anh **Phạm Xuân H** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị **Cao Thị C** và anh **Phạm Xuân H** được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thoả thuận, cụ thể: thống nhất xác định giá trị tài sản chung vợ chồng tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 77, tờ bản đồ số 27, diện tích 2870,0 m², trong đó có 300m² đất ở và đất trồng cây lâu năm 2570,0 m² tại **thôn N, xã H (cũ) nay thôn H, xã H, tỉnh Hà Tĩnh** đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên **Phạm Xuân H** và chị **Cao Thị C** có giá trị 400.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng*).

Chị **Cao Thị C** và anh **Phạm Xuân H** thỏa thuận anh **Phạm Xuân H** trả cho chị **Cao Thị C** số tiền 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai trăm triệu đồng*) để phân chia toàn bộ tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng đất, các bên cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp gì đối với việc xác định toàn bộ khối tài sản chung và giá trị tài sản chung nhận được sau khi phân chia, anh **Phạm Xuân H** đã trả đủ cho chị **Cao Thị C** số tiền 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: hai trăm triệu đồng*). Đồng thời, anh **Phạm Xuân H** có toàn quyền sử dụng, sử hữu toàn bộ đất đai và tài sản trên thửa đất số 77, tờ bản đồ số 27, diện tích 2870,0 m², trong đó có 300 m² đất ở và đất trồng cây lâu năm 2570,0 m² tại **thôn N, xã H (cũ) nay thôn H, xã H, tỉnh Hà Tĩnh** đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên **Phạm Xuân H** và chị **Cao Thị C**, được cấp số CX257177, cấp ngày 10/9/2020 do **sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H** cấp.

Anh Phạm Xuân H có quyền đến gặp các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về nợ chung: Các bên đương sự không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị **Cao Thị C** nhận nộp 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 5.000.000 đồng án phí chia tài sản. Chị **Cao Thị C** đã nộp 18.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 000013828447 ngày 17/3/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nay được trả lại 13.150.000 đồng (*Bằng chữ: mười ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh **Phạm Xuân H** nhận nộp 5.000.000 đồng (*Bằng chữ: năm triệu đồng*) án phí chia tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND Khu vực 4 - Hà Tĩnh;
- THADS Khu tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Hà Linh;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

THẨM PHÁN

Lê Văn Phú